

Biểu 01

BIỂU CHỈ TIÊU CHUYÊN MÔN NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND, ngày tháng 3 năm 2026 của UBND xã Lợi Bắc)

TT	Đơn vị	Điều chỉnh mức sinh (Tỷ suất sinh thô ‰)	Giảm tỷ số giới tính khi sinh (Điểm ‰)	Sàng lọc trước sinh		Sàng lọc sơ sinh		Tỷ lệ NCT được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm (%)	Tỷ lệ cập NNTN được TV KSKTKH (%)	Số người mới sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại					
				Tỷ lệ sàng lọc trước sinh (%)	Trong đó số đối tượng được cấp miễn phí (Bà mẹ mang thai)	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh (%)	Trong đó số đối tượng được cấp miễn phí (Trẻ sơ sinh)			Cộng	Đặt dụng cụ tử cung	Thuốc tiêm tránh thai	Thuốc cấy tránh thai	Viên uống tránh thai	Bao cao su
	Toàn xã	+0,05	-0,2	58	9	58	9	98	61	431	16	26	1	239	149
1	Bản Chành			58	1	58		98	61	26	1	1		16	8
2	Già Nàng			58		58	1	98	61	26	1	2		15	8
3	Kéo Cọ			58	1	58	1	98	61	23	1	1		13	8
4	Khuổi Tà			58		58		98	61	21	1	2		10	8
5	Nà Mu			58	1	58	1	98	61	26	1	1		16	8
6	Nà Phi			58		58		98	61	22		1		13	8
7	Nà U			58		58		98	61	23	1	1		13	8
8	Nà Xỏm			58	1	58	1	98	61	23	1	1		13	8
9	Phai Vài			58	1	58		98	61	36	1	3		15	17
10	Khòn Cháo- Co Cai			58		58		98	61	47		2	1	34	10
11	Bản Mới B			58	1	58	1	98	61	27	1	1		13	12
12	Hợp Nhất			58	1	58		98	61	24	1	3		12	8
13	Bản Choong-Bản Miang			58		58	1	98	61	10	1	1		5	3
14	Nà Phầy			58		58		98	61	16	1	1		8	6
15	Nà Làng			58		58	1	98	61	13	1	2		5	5
16	Tà Lạn- Pò Nhàng			58		58		98	61	17	1	1		7	8
17	Nà Mò			58	1	58	1	98	61	25	1	1		15	8
18	Khòn Sè			58	1	58	1	98	61	26	1	1		16	8

Biểu 02

BIỂU CHỈ TIÊU CÁC BIỆN PHÁP TRÁNH THAI HIỆN ĐẠI NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND, ngày tháng 3 năm 2026 của UBND xã Lợi Bắc)

Đơn vị tính: Người

TT	Đơn vị	Cộng	Đặt dụng cụ tử cung		Thuốc tiêm tránh thai		Thuốc cấy tránh thai		Viên uống tránh thai		Bao cao su	
			Tổng số	Miễn phí	Tổng số	Miễn phí	Tổng số	Miễn phí	Tổng số	Miễn phí	Tổng số	Miễn phí
	Toàn xã	431	16	16	26	26	1	1	239	239	149	149
1	Bản Chành	26	1	1	1	1			16	16	8	8
2	Già Nàng	26	1	1	2	2			15	15	8	8
3	Kéo Cọ	23	1	1	1	1			13	13	8	8
4	Khuổi Tà	21	1	1	2	2			10	10	8	8
5	Nà Mu	26	1	1	1	1			16	16	8	8
6	Nà Phi	22			1	1			13	13	8	8
7	Nà U	23	1	1	1	1			13	13	8	8
8	Nà Xóm	23	1	1	1	1			13	13	8	8
9	Phai Vài	36	1	1	3	3			15	15	17	17
10	Khòn Cháo- Co Cai	47		1	2	2	1	1	34	34	10	10
11	Bản Mới B	27	1	1	1	1			13	13	12	12
12	Hợp Nhất	24	1	1	3	3			12	12	8	8
13	Bản Choong- Bản Miang	10	1	1	1	1			5	5	3	3
14	Nà Phầy	16	1	1	1	1			8	8	6	6
15	Nà Làng	13	1	1	2	2			5	5	5	5
16	Tà Lạn- Pò Nhàng	17	1	1	1	1			7	7	8	8
17	Nà Mò	25	1	1	1	1			15	15	8	8
18	Khòn Sè	26	1	1	1	1			16	16	8	8

